

Bản án số: 87/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2026
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiếu

2. Ông Trần Thanh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm 1996

Căn cước số: 083196006702 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1994

Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam B; Địa chỉ: khóm B, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

(Bà T có mặt, ông H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt do đang chấp hành án tại Trại giam B)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Võ Văn H tự nguyện cưới nhau năm 2019, sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H chơi bời, không chăm lo cho gia đình. Khoảng tháng 11/2021, bà đưa con về nhà cha mẹ ruột sống một thời gian. Sau đó ông H bắt con về nên bà quay lại tiếp tục chung sống. Sau đó, ông H bị bắt vì tội Lưu hành tiền giả và Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị xử phạt 05 năm 06 tháng tù, ông H chấp hành án tại Trại giam B từ tháng 11/2022 cho đến nay. Trong thời gian ông H chấp hành án, giữa bà và gia đình bên chồng cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn do gia đình chồng không tin tưởng và tôn trọng bà. Bản thân ông H cũng nghi ngờ bà không chung thủy và nhiều lần viết thư đe dọa. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn giữa đôi bên đã trầm trọng, đôi bên không còn tình cảm và không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông H có 01 con chung tên Võ Quỳnh H1 sinh ngày 11/11/2019 hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Quỳnh H1 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2026, bị đơn ông Võ Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị Thùy T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Quá trình chung sống, hai bên không có mâu thuẫn gì, ông chấp hành án phạt tù tại Trại giam B từ ngày 17/11/2022 đến nay. Nay ông đồng ý yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà T có 01 con chung tên Võ Quỳnh H1 sinh ngày 11/11/2019 hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Quỳnh H1 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gồm: lập hồ sơ vụ án, lấy lời khai đương sự, xác minh nguyên nhân mâu thuẫn, tiến hành mở phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các Điều 97, 204, 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **Huỳnh Thị Thùy T** được ly hôn với ông **Võ Văn H**. Giao cháu **Võ Quỳnh H1** sinh ngày 11/11/2019 cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận bà **T** tự nguyện không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Bà **Huỳnh Thị Thùy T** phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà **Huỳnh Thị Thùy T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông **Võ Văn H** có địa chỉ thường trú tại **ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thùy T và ông Võ Văn H kết hôn vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Do đó, hôn nhân của bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà T cho rằng khoảng tháng 10 năm 2021, đôi bên phát sinh mâu thuẫn do ông H chơi bời, không chăm lo cho gia đình. Sau đó, mâu thuẫn ngày càng tăng kể từ khi ông H phạm tội và đi chấp hành án tại Trại giam B. Nay bà xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, đôi bên không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Ông H đồng ý ly hôn với bà T chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn với bà T, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, cả hai không muốn tiếp tục cuộc sống chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông H có 01 con chung tên Võ Quỳnh H1 sinh ngày 11/11/2019. Hội đồng xét xử nhận thấy: Con chung hiện đang sống chung với bà T, việc giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, môi trường học tập cũng như tâm lý của con. Con chung hiện còn nhỏ tuổi, lại là nữ nên cần có sự chăm sóc, giáo dục trực tiếp của mẹ về sinh hoạt cá nhân cũng như tâm lý của trẻ. Bản thân ông H hiện đang chấp hành án phạt tù nên không thể trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T là có cơ sở nên được chấp nhận, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông H là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Ghi nhận bà T tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thùy T phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Thùy T. Bà Huỳnh Thị Thùy T được ly hôn với ông Võ Văn H.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Thùy T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Quỳnh H1 sinh ngày 11/11/2019. Ghi nhận bà T tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thùy T phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010382 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- [UBND xã Thạnh Trị](#);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Giả Huệ Tiên